

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **260/2018/HNGĐ_ST**

Ngày: 17/8/2018

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Nhựt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Thìn – Cán bộ hưu trí

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên – Cán bộ Hội liên Hiệp phụ nữ Tp.Biên Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Thương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hoàng Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018, tại Hội trường 06 – Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 563/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 03 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 266/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ 27, Kp.3A, P.Trảng Dài, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông **Lê Thanh Y**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ 27, Kp.3A, P.Trảng Dài, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Bà X xin vắng mặt, ông Y vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:
Trên cơ sở tự nguyện và sau thời gian tìm hiểu, năm 2006 bà cùng ông Lê Thanh Y tự nguyện kết hôn. Ngày 05/10/2006, UBND phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 29, quyển số 01/2006 cho bà và ông Y. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Bắt đầu từ năm 2015, trong cuộc sống vợ chồng có nhiều biến cố xảy ra, nguyên nhân phát sinh từ việc ông Y cờ bạc dẫn đến nợ nần, ông Y bỏ mặc con chung để bà phải tự lo một mình. Khi đó, bà vừa phải nuôi con, vừa phải trả nợ thay chồng nên dẫn đến quá sức chịu đựng. Tuy hai bên đã cố gắng tìm phương án giải quyết,

đoàn tụ nhưng ông Y vẫn không thay đổi và tiếp tục gây nợ. Nhiều lần chủ nợ đến đòi bà trả nợ, hăm dọa làm cho cuộc sống nặng nề. Nay vì không muốn ảnh hưởng tâm lý con chung, vừa không còn tình cảm gì với ông Y nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Y.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Lê Thị X Diễm, sinh ngày 29/12/2006; Lê Thị Ái Nhi, sinh ngày 02/11/2009; Lê Nguyễn Hoài Nam, sinh ngày 08/9/2013. Khi ly hôn bà đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Đối với yêu cầu ông Y cấp dưỡng nuôi con, tại đơn khởi kiện bà yêu cầu ông Y cấp dưỡng mỗi cháu 1.000.000đ/tháng. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 20/6/2018 bà không yêu cầu ông Y cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn bà X xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản tự khai bị đơn ông Lê Thanh Y trình bày: Về quan hệ hôn nhân như bà X trình bày là đúng. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do ông có cờ bạc gây nợ nần, tuy nhiên số nợ đó là từ năm 2015. Khi đó do số nợ nhiều ông không dám nói, đến năm 2018 thì chủ nợ mới đến đòi nên vợ ông nghĩ ông lại vướng vào cờ bạc. Thực chất ông đã tu chí làm ăn không còn đánh bạc nữa. Nay ông xác định còn thương vợ, thương con nên vẫn mong muốn gia đình đoàn tụ, không đồng ý ly hôn với bà X.

Về con chung: Có 03 con chung như bà X trình bày là đúng. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu bà X cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn ông Y xác định là không có.

Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu Lê Thị X Diễm và Lê Thị Ái Nhi, cả hai cháu đều có nguyện vọng được bà X trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của bị đơn là không đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết:
 - Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Thanh Y đối chiếu Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác

định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp ly hôn. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà X là nguyên đơn, ông Y là bị đơn trong vụ án.

- Ông Y có sở tạm trú tại phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Về thủ tục tố tụng khác: Nguyên đơn bà X có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Y đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, không có lý do; căn cứ khoản 01, điểm b khoản 02 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

3. Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị X và ông Lê Thanh Y tự nguyện kết hôn, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được UBND phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết số 29, quyển số 01/2006 ngày 05/10/2006, đối chiếu các điều 9, điều 11 và điều 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000, được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà X xác định tình cảm vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do ông Y cờ bạc gây nợ nần, không chăm lo cho gia đình. Ông Y cũng thừa nhận việc cờ bạc gây nợ nần của mình nhưng khẳng định đã tu chí làm ăn. Theo biên bản xác minh tại địa phương ngày 07/7/2018, địa phương xác định không nắm được tình hình mâu thuẫn giữa vợ chồng bà X và ông Y. Xét thấy, việc mâu thuẫn trong cuộc sống giữa ông Y và bà X là có thực. Bà X đã nhiều lần nộp đơn tại Tòa yêu cầu xin ly hôn với ông Y và đã rút đơn, nay bà lại tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và cương quyết yêu cầu ly hôn với ông Y cho thấy mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà X là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung là Lê Thị X Diễm, sinh ngày 29/12/2006; Lê Thị Ái Nhi, sinh ngày 02/11/2009; Lê Nguyễn Hoài Nam, sinh ngày 08/9/2013 và không yêu cầu ông Y cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của bà X về phần này có cơ sở chấp nhận bởi lẽ từ trước đến nay con chung vẫn do bà X trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, thậm chí bà X vừa phải nuôi con nhỏ vừa phải trả nợ thay ông Y. Các cháu vẫn phát triển bình thường và cháu Diễm, cháu Nhi đều có nguyện vọng được bà X tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung; nợ chung của vợ chồng khi ly hôn bà X, ông Y xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị X phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 68, khoản 4 Điều 147; 227, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 09, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000.

Áp dụng các điều 51, 56, 71, 81, 82, 83, khoản 01 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X đối với bị đơn ông Lê Thanh Y về việc tranh chấp ly hôn.

Tuyên xử:

Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1981 ly hôn với ông Lê Thanh Y, sinh năm 1982.

Về con chung: Giao 03 con chung là Lê Thị X Diễm, sinh ngày 29/12/2006; Lê Thị Ái Nhi, sinh ngày 02/11/2009; Lê Nguyễn Hoài Nam, sinh ngày 08/9/2013 cho bà Nguyễn Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Lê Thanh Y không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Thanh Y được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn các đương sự xác định là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị X phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 007130 ngày 15/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà X đã nộp đủ án phí theo quy định.

Bà X, ông Y được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tp. Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp. Biên Hòa
- UBND P. Trảng Dài
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Minh Nhựt

